

TẾT

Phạm Trọng Luyện

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Không biết Tết cổ truyền của dân tộc có từ bao giờ, nhưng đã trở nên thiêng liêng, gắn bó trong tâm hồn của mỗi người dân Việt Nam. Chiếc bánh chưng xanh, mâm ngũ quả trên bàn thờ gia tiên, cành đào, chậu quất khoe sắc trong mỗi gia đình đã trở thành một phần hình ảnh của quê hương để chúng ta dù sống ở đâu mỗi độ xuân sang lại bồi hồi nhớ về với bao tình cảm nhớ nhung tha thiết.

1. TẾT

Khái niệm Tết, tết Nguyên đán, Tết Táo quân, đêm trừ tịch, Giao thừa... là một phong tục, mỹ tục của người Việt đã trở nên quen thuộc từ ngàn đời nay. Tết là dịp để chúng ta tụ hội, sum họp, cúng gia tiên, dâng lễ thánh thần, ăn uống và vui vẻ. Khái niệm Tết đồng nghĩa với những gì tươi vui: chơi Tết, ăn Tết, chúc Tết... Người Việt có câu thành ngữ “Vui như Tết” là vậy.

Chữ “Tết” có nguồn gốc chữ Hán do chữ “Tiết” (節) mà thành (phần lớn tiếng Hán có phiên âm iê khi sang tiếng Việt sẽ thành ê: thêm biến thành thêm, thiết (yến) biến thành thết (tiệc), chiết biến thành chết...). Nghĩa gốc của tiết là “máu tre” (vì khi viết chữ này người ta thường viết với bộ trúc). Rồi nó dần chuyển nghĩa chỉ sự tiếp nối giữa hai giống cây, hai khúc, hai đoạn vật thể (trương đương với “khớp”, “khuỷu”, “đầu mắt”...) Từ nghĩa này nó tiếp tục mở rộng để chỉ thời điểm tiếp xúc giữa hai khoảng thời gian phân chia theo thiên văn - khí tượng trong năm. Văn hóa Á- Đông thuộc văn minh nông nghiệp lúa nước - do nhu cầu canh tác nông nghiệp đã "phân chia" thời gian trong một năm thành 24 tiết khí khác nhau: lập xuân, vũ thủy, kinh trập, xuân phân, thanh minh, cốc vũ, lập hạ, tiểu mãn, mang chủng, hạ chí, tiểu thử, đại thử, lập thu, xử thử, bạch lộ, thu phân, hàn lộ, sương giáng, lập đông, tiểu tuyết, đại tuyết, đông chí, tiểu hàn, đại hàn. Sau đó tiết chuyển thành nghĩa “ngày lễ, dịp cúng lễ, vui mừng” đây chính là nguồn gốc trực tiếp của Tết. Ngoài ra tiết còn có nghĩa là ‘bộ phận nhỏ của một chính thể’ (chi tiết, tình tiết...), “khoảng, đoạn nhỏ” (tiết học, tiết mục...), “phẩm chất trong sạch, khảng khái” (tiết hạnh, tiết khí, tiết tháo...).

2. TẾT TÁO QUÂN



Táo gốc tiếng Hán nghĩa là “bếp” Táo quân nghĩa là “ông quản bếp”, “ông vua bếp”. Trong bếp ngày xưa, thường có 3 “ông đầu rau”- tức là 3 hòn đất nặn dùng để kê nồi đun bếp. Ngày 23 tháng Chạp, là ngày cúng ông Táo. Theo quan điểm của người Việt thì ông Táo vừa là thần bếp trong nhà vừa là người ghi chép tất cả những việc làm tốt xấu mà con người đã làm trong năm cũ và báo cáo với Ngọc Hoàng những vấn đề tốt xấu của gia chủ. Ông Táo được cúng vào trưa hoặc chiều ngày 23 tháng Chạp âm lịch hàng năm. Lễ cúng gồm có hương, nến, hoa quả, vàng mã và hai mũ đàn ông, một mũ đàn bà kèm theo ba con cá chép (cá chép thật hoặc cá chép làm bằng giấy kèm theo cỗ mũ). Theo sự



tích ông Táo, cá chép sẽ đưa ông Táo vượt qua Vũ Môn để lên Thiên đình gặp Ngọc Hoàng.

Một số gia đình ở nông thôn vẫn còn gìn giữ phong tục dựng cây nêu để chống lại quỷ dữ và những điềm gở. Cây nêu thường được treo thêm cành xương rồng, lá dứa, tỏi, hình nộm để dọa ma quỷ như. Sách Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức, Tập Hạ chép rằng: "bữa trừ tịch (tức ngày cuối năm) mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng một cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trâu cau, vôi, ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là "lên nêu"...có ý nghĩa là để làm tiêu biểu cho năm mới mà tảo trừ những xấu xa trong năm cũ".

Trước ngày Tết, người Việt cũng chuẩn bị mâm ngũ quả gồm 5 loại quả khác nhau theo quan niệm người xưa là ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ ứng với mệnh của con người. Ngoài ra, “ngũ” còn thể hiện ước muốn của người Việt đạt được ngũ phúc lâm môn: phúc, quý, thọ, khang, ninh. Tùy theo từng vùng miền với đặc trưng về khí hậu, sản vật và quan niệm riêng mà người ta chọn các loại quả khác nhau để bày mâm ngũ quả.

Mâm ngũ quả của người miền Bắc người ta chọn năm thứ quả theo số lẻ tượng trưng cho sự phát triển, sinh sôi. Gồm: chuối, bưởi, đào, hồng, quýt hay là chuối, ổi, bưởi, quýt, lê. Có thể thay thế bằng cam, lê-ki-ma, táo, măng cầu.

Mâm ngũ quả người miền Nam gồm dứa, đu đủ, măng cầu Xiêm, xoài, sung, với ngụ ý cầu sung vừa đủ xài. Người miền Nam thường kiêng kỵ chung trái có tên mang ý nghĩa xấu (kể cả khi đọc trại) như chuối - chúí nhủi, cam - cam chịu, lê - lê lét, sầu riêng, bom (táo), lựu - lựu đạn... và không chọn trái có vị đắng, cay.



Mâm ngũ quả miền Trung không quá cầu nệ hình thức, hầu như không kiêng loại quả nào vì tên gọi hay hương vị của chúng, miễn là trên mâm phải có nhiều màu sắc. Các loại quả thường thấy là: thanh long, chuối, dưa hấu, măng cầu, dưa, sung, cam, quýt...

Chuẩn bị bánh chưng, bánh giầy còn ở miền Nam thì loại bánh phổ biến là bánh tét và các món ăn thịnh soạn để dâng lên ông bà tổ tiên.

3. TẮT NIÊN

Ngày Tết niên có thể là ngày 30 tháng Chạp (năm đủ) hoặc 29 tháng Chạp (năm thiếu). Đây là ngày gia đình sum họp lại với nhau để ăn cơm buổi Tết niên. Buổi tối ngày này, người ta làm cỗ cúng tất niên. Giữa ngày 30 (hoặc 29) tháng Chạp và ngày mùng 1 tháng Giêng là thời khắc quan trọng nhất của dịp Tết. Nó đánh dấu sự chuyển giao năm cũ và năm mới. Để ghi nhận thời khắc này, người ta thường làm hai mâm cỗ. Một mâm cúng gia tiên tại bàn thờ ở trong nhà mình và một mâm cúng thiên địa ở khoảng sân trước nhà.

Sắp dọn bàn thờ trong gia đình người Việt thường có một bàn thờ tổ tiên, ông bà (hay còn gọi ông Vải). Cách sắp đặt bàn thờ khác nhau tùy theo từng nhà. Bên, bàn thờ là nơi tưởng nhớ những người đã khuất. Hai cây đèn tượng trưng cho mặt trời, mặt trăng và hương là tinh tú. Hai bát hương để đối xứng. Phía sau hai cây đèn thường cắm "cành vàng lá ngọc" (một thứ hàng mã) với sự cầu mong làm ăn được quả vàng, quả bạc và buôn bán lãi gấp nhiều lần năm trước. Ở giữa có trục "vũ trụ" là khúc trầm hương dưới dạng khúc khủy và vươn lên trong bát hương. Nhiều gia đình đặt xen hai cái đĩa giữa đèn và hương (nhang) để đặt hoa quả lễ gọi là mâm ngũ quả (tùy mỗi miền có sự biến thiên các loại quả, nhưng mỗi loại quả đều có ý nghĩa của nó). Trước bát hương để một bát nước trong để coi như nước thiêng. Hai cây mía đặt ở hai bên bàn thờ là để các cụ chống gậy về với con cháu và dẫn linh hồn tổ tiên từ trên trời về hạ giới.

4. LỄ TRỪ TỊCH

Tịch gốc chữ Hán nghĩa là “đêm”. Tuy nhiên, theo nguyên tắc thuật ngữ, trong tiếng Việt, người ta vẫn nói “đêm trừ tịch” chứ ít nói “trừ tịch”, cũng như nói chân thật, cây cỏ thụ, sông Hồng Hà, núi Trường Sơn... Còn trừ trong tiếng Hán có nhiều nghĩa, nhưng nghĩa gốc là “bỏ đi, qua đi”. Như vậy, trừ tịch có nghĩa là “đêm của năm qua đi”

Theo tác giả Phan Kế Bính trong Việt Nam phong tục lại có cách lý giải hoàn toàn khác, coi trừ tịch là xua đuổi, trừ khử ma quỷ.

5. GIAO THỪA

Giao gốc tiếng Hán là “xen kẽ nhau, thay nhau” hoặc “nối tiếp nhau, trao đổi lẫn nhau”... Còn thừa nghĩa là “đảm nhận, thi hành” hoặc “thừa kế, kế tiếp”... Gọi là giao thừa vì theo quan niệm tín ngưỡng, 12 giờ đêm ngày 30 tháng chạp - thời điểm nối tiếp giữa năm cũ và năm mới-là lúc mà 2 vị thần cai quản trần gian (gọi là ông Hành khiển) “bàn giao và tiếp nhận” công việc của nhau. Vào ngày này, nhân dân ta hay làm lễ thiên địa để cầu mong các vị thần ấy ban cho nhiều may mắn, hạnh phúc trong năm mới.

Cúng Giao thừa ở ngoài trời.

Lễ vật gồm các chiếc thủ lợn hoặc con gà, bánh chưng, mứt kẹo, trầu cau, hoa quả, rượu hoặc nước và vàng mã. Những nhà chân chất, sống bằng lao động thì có khi chỉ cần chén rượu, nén hương... Trên chiếc hương án có bình hương, hai ngọn đèn dầu hoặc hai ngọn nến.

Mâm lễ được sắp bày với lòng thành kính tiễn người Nhà Trời đã cai quản mình năm cũ về lại Thiên đình và đón người mới xuống làm nhiệm vụ cai quản Hạ giới năm tới. Vì việc bàn giao, tiếp quản công việc hết sức khẩn trương nên các vị chỉ có thể ăn vội vàng hoặc mang theo, thậm chí chỉ chứng kiến lòng thành của chủ nhà.

6. CÚNG GIAO THỪA TRONG NHÀ

Cúng Giao thừa trong nhà là lễ cúng tổ tiên vào chính thời khắc giao thừa vừa tới nhằm đề cầu xin Tổ tiên phù hộ độ trì cho gia đình gặp những điều tốt lành trong năm mới sắp đến. Mâm lễ bao gồm các món ăn mặn ngày Tết được chế biến tinh khiết với phong cách trang trọng.

Cỗ mặn gồm có bánh chưng, giò, chả, xôi gấc, thịt gà, rượu, bia và các loại thức uống khác. Các món ăn mặn tùy theo nhu cầu của gia đình. Cỗ ngọt và chay bao gồm hương, hoa, đèn nến, bánh kẹo, mứt tết.

Khi cúng Giao thừa trong nhà, các thành viên trong gia đình thường đứng trang nghiêm trước bàn thờ (không cần tất cả, chỉ cần gia chủ và vài ba người nữa) để khấn tổ tiên. Trước khi khấn tổ tiên mời tiên nhân về ăn Tết cùng với con cháu, các gia chủ thường khấn thần Thổ Công để xin phép cho tổ tiên về ăn Tết. Ông là vị thần cai quản trong nhà (thường bàn thờ tổ tiên ở giữa, bàn thờ Thổ Công ở bên trái).

7. TẾT NGUYÊN ĐÁN

Tết nguyên đán (còn gọi là Tết Cả, Tết Ta, Tết Âm lịch, Tết Cổ truyền) là từ gốc chữ Hán. Hai chữ "Nguyên đán" (元旦); "nguyên" có nghĩa là sự khởi đầu hay sơ khai và "đán" có nghĩa là buổi sáng sớm, cho nên đọc đúng phiên âm phải là "Tiết Nguyên Đán". Từ buổi "khai thiên lập địa", Tết cổ truyền Việt Nam đã tiềm tàng những giá trị nhân văn thể hiện mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ qua bốn mùa xuân-hạ-thu-đông và quan niệm "on trời mưa nắng phải thì" chân chất của người nông dân cày cấy.

Tết là ngày Tân niên và được coi là ngày quan trọng nhất trong năm; năm mới chính thức bắt đầu, mọi hoạt động đặc trưng cho Tết tiến hành (lễ gia tiên, chúc mừng năm mới, mừng tuổi, chúc thọ người già, đại tiệc đầu năm...). Điều kiện ngoại cảnh cũng rất đẹp và thuận lợi: bắt đầu sang xuân cây cối đâm chồi nảy lộc, hoa nở, chim hót, không khí ấm áp, không gian như rộng mở, mọi công việc vất vả của một năm tạm ngưng... Con người thư thái, tinh thần vui vẻ, trở lên lịch sự, cởi mở hơn về phong cách, rục rờ hơn với dung nhan... Tất cả những hiện tượng trên đều tập trung vào buổi sáng đầu năm khiến người ta cảm thấy buổi sáng đó thật quan trọng, thiêng liêng. Ai cũng tin tưởng, mơ ước mọi việc trong năm đều diễn ra suôn sẻ, tốt đẹp, may mắn như buổi sáng đầu năm và cố gắng không làm điều xấu để khởi xúi quẩy cả năm. Những người tốt số, hợp tuổi được mời đi xông đất, vào sáng sớm ngày này, người Việt cổ thường không ra khỏi nhà, chỉ bày cỗ cúng Tân niên, ăn

tiệc và chúc tụng nhau trong nội bộ gia đình. Đối với những gia đình đã tách khỏi cha mẹ và cha mẹ vẫn còn sống, họ đến chúc tết các ông bố theo tục:

Mùng Một tết cha,

Mùng Hai tết mẹ, Mùng Ba tết thầy.

"Ngày mùng Hai tháng Giêng" là ngày có những hoạt động cúng lễ tại gia vào sáng sớm. Sau đó, người ta chúc tết các bà mẹ.

"Ngày mùng Ba tháng Giêng" là ngày sau khi cúng cơm tại gia theo lệ cúng ít nhất đủ ba ngày Tết, các học trò thường đến chúc Tết thầy dạy học. Trong những ngày này người ta thường đi thăm viếng, hỏi thăm nhau những điều đã làm trong năm cũ và những điều sẽ làm trong năm mới.

8. XÔNG ĐẤT

Xông đất (hay đập đất, mở hàng) là tục lệ đã có lâu đời ở Việt Nam. Nhiều người quan niệm ngày Mùng Một "khai trương" một năm mới. Họ cho rằng vào ngày này, nếu mọi việc diễn ra suôn sẻ, may mắn, cả năm cũng sẽ được tốt lành, hanh thông. Người khách đến thăm nhà đầu tiên trong một năm cũng vì thế mà quan trọng. Cho nên cứ cuối năm, mọi người cố ý tìm xem những người trong bà con hay láng giềng có tính vui vẻ, linh hoạt, đạo đức và thành công để nhờ sang thăm.

9. XUẤT HÀNH VÀ HÁI LỘC

Xuất hành là lần đi ra khỏi nhà đầu tiên trong năm, thường được thực hiện vào ngày tốt đầu tiên của năm mới để đi tìm may mắn cho bản thân và gia đình. Trước khi xuất hành, người ta phải chọn ngày Hoàng đạo, giờ Hoàng đạo và các phương hướng tốt để mong gặp được các quý thần, tài thần, hỷ thần... Tại miền Bắc, nếu xuất hành ra chùa hay đền, sau khi lễ bái, người Việt còn có tục bẻ lấy một cành lộc để mang về nhà lấy may, lấy phước. Cành lộc thường đem về cắm ở bàn thờ.

10. CHÚC TẾT

Sáng mùng Một Tết còn gọi là ngày Chính đán, con cháu tụ họp ở nhà tộc trưởng để lễ Tổ Tiên và chúc tết ông bà, các bậc huynh trưởng. Theo quan niệm, cứ năm mới tới, mỗi người tăng lên một tuổi, bởi vậy ngày mùng Một Tết là ngày con cháu "chúc thọ" ông bà và các bậc cao niên.

11. MỪNG TUỔI

Lì xì người lớn thường tặng trẻ em tiền bỏ trong một bao giấy đỏ, hay "hồng bao", gọi là "lì xì" với những lời chúc mừng ăn no, chóng lớn. Theo cổ tích Trung Quốc thì trong "hồng bao" có 8 đồng tiền (là Bát Tiên hóa thân) được đặt dưới gối đứa trẻ để xua đuổi ma quỷ đến quấy nhiễu, vì ma sẽ sợ giấy màu đỏ.

12. TỤC THĂM VIẾNG

Thăm viếng họ hàng là để gắn kết tình cảm gia đình họ hàng. Lời chúc tết thường là sức khỏe, phát tài phát lộc, gặp nhiều may mắn, mọi ước muốn đều thành công... Những người năm cũ gặp rủi ro thì động viên nhau tai qua nạn khỏi hay của đi thay người nghĩa là trong cái họa cũng tìm thấy cái phúc, hướng về sự tốt lành.

13. HÓA VÀNG

Ngày mùng 4 tháng Giêng theo lịch cổ là ngày con nước. Trong ngày này, người Việt làm lễ cúng tổ tiên đã về ăn Tết với con cháu và đốt nhiều vàng mã để tiền nhân về cõi âm có thêm tiền vốn đầu năm, dâng phù hộ độ trì cho con cháu hậu thế làm ăn phát đạt. Tại nhiều vùng ở Đồng bằng Bắc Bộ, người Việt có tục hát chèo đờ đưa tổ tiên trở lại thế giới bên kia. Theo nhà sử học Dương Trung Quốc, tục hoá vàng dựa trên tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, vật hoá vàng thường gắn với đời sống thường nhật, để thấy con người ở thế giới vô hình bên kia sống gần với dương gian. Vào ngày mùng 4 và mùng 5 tháng Giêng, người ta kiêng xuất hành vì đây là ngày không tốt.

14. KHAI HẠ

Ngày mùng 7 tháng Giêng (cũng có thể là mùng 6 tháng Giêng) là ngày cuối cùng của chuỗi lễ hội Tết. Trong ngày này, người Việt làm lễ hạ Cây nêu, gọi là lễ Khai hạ, kết thúc dịp Tết.

